

Khái lược tiến trình truyền bá Phật giáo từ Ấn Độ ra thế giới qua các thời kỳ

ISSN: 2734-9195 17:30 05/08/2026

Lịch sử truyền bá Phật giáo không chỉ là câu chuyện về sự mở rộng của một tôn giáo, mà còn phản ánh lịch sử của những cuộc gặp gỡ giữa các nền văn minh, các cộng đồng và những người cùng đi tìm lời giải cho những vấn đề căn bản của đời sống.

Lời dẫn

Từ hơn hai thiên niên kỷ trước, Phật giáo đã khởi nguồn trên vùng đồng bằng sông Hằng (Ấn Độ) và từng bước lan tỏa đến hầu khắp châu Á, trước khi trở thành truyền thống tôn giáo mang tầm vóc toàn cầu. Tiến trình ấy không chỉ phản ánh sự mở rộng về mặt địa lý của một tôn giáo, mà còn cho thấy khả năng thích ứng bền bỉ của Phật giáo trước những biến đổi của lịch sử, văn hóa và xã hội.

Khác với quan niệm xem sự **truyền bá Phật giáo** đơn thuần là kết quả của hoạt động hoằng pháp, nhiều nghiên cứu đương đại chỉ ra rằng quá trình này luôn gắn liền với các mạng lưới thương mại, giao lưu văn hóa, dịch thuật kinh điển, hành hương, di cư và sự bảo trợ của các thiết chế chính trị qua từng thời kỳ. Mỗi vùng đất tiếp nhận Phật giáo đều góp phần kiến tạo những hình thái phát triển riêng, làm phong phú thêm diện mạo của truyền thống Phật giáo mà vẫn giữ được những giá trị cốt lõi của giáo pháp.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, Phật giáo tiếp tục hiện diện trong những không gian mới như trường học, bệnh viện, các nền tảng trực tuyến và cộng đồng xuyên biên giới. Những biến chuyển ấy đặt ra nhiều câu hỏi đáng suy ngẫm: Điều gì sẽ được gìn giữ, điều gì sẽ tiếp tục thích nghi và đâu là những yếu tố giúp Phật giáo duy trì sức sống trong thế giới đương đại?

Bài viết dưới đây phác họa tiến trình truyền bá của Phật giáo từ thời đức Phật đến hiện nay, đồng thời gợi mở góc nhìn về lịch sử Phật giáo như lịch sử của những cuộc gặp gỡ, đối thoại và chuyển hóa giữa các nền văn hóa. Qua đó, độc

giả có thêm cơ sở để nhìn nhận sự phát triển của Phật giáo không chỉ như một hiện tượng tôn giáo, mà còn như một dòng chảy văn minh có ảnh hưởng sâu rộng đối với lịch sử nhân loại.

Từ khóa: Phật giáo, lịch sử Phật giáo, truyền bá Phật giáo, Con đường Tơ lụa, Phật giáo châu Á, Phật giáo toàn cầu, giao lưu văn hóa, hành hương Phật giáo, toàn cầu hóa tôn giáo, Phật giáo đương đại.

Khoảng 2.500 năm trước, đức Phật (Buddha, *Siddhārtha Gautama* - Tất-đạt-đa Cổ-đàm) sống và hoằng hóa trên vùng đồng bằng sông Hằng (Gangetic Plain), khu vực nằm gần biên giới giữa Nepal và Ấn Độ ngày nay. Chỉ trong vài thế kỷ sau, giáo pháp của Ngài đã vượt xa quê hương bản quán.



Phật giáo lan tỏa theo các tuyến thương mại cổ đại, vượt biển cả, băng qua núi cao và sa mạc, nhờ bước chân của chư Tăng, thương nhân và các vương triều bảo trợ. Trên những con đường giao thương ấy, ngày nay vẫn còn hiện diện những bảo tháp (stupa), quần thể chùa hang được trang hoàng bằng bích họa cùng nhiều thánh tích linh thiêng khác. Mỗi vùng đất tiếp nhận Phật giáo đều tái diễn giải truyền thống này bằng ngôn ngữ, huyền thoại và tập quán văn hóa riêng của mình.

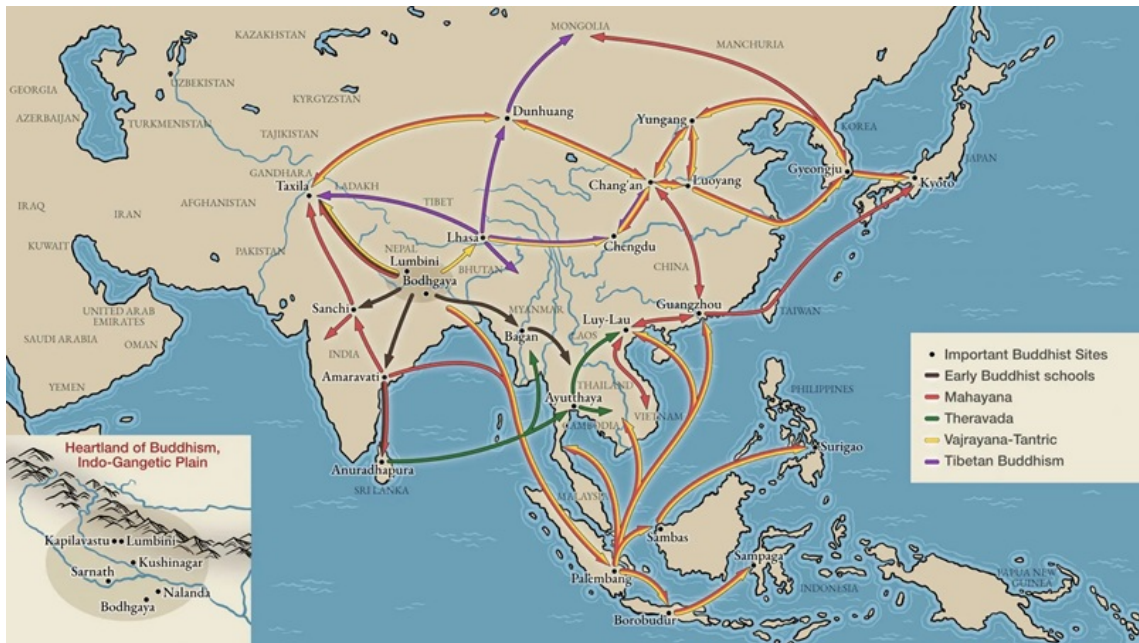
Theo dòng lịch sử, Phật giáo đã lan rộng đến hầu khắp châu Á và trong thời hiện đại, truyền thống này đã trở thành một hiện tượng mang tầm vóc toàn cầu.

Phật giáo truyền bá như thế nào?

Sự truyền bá của tư tưởng và thực hành Phật giáo không diễn ra theo một hướng duy nhất, cũng không tuân theo khuôn mẫu đồng nhất. Khởi nguồn từ Ấn Độ, giáo pháp của đức Phật đã lan tỏa theo nhiều con đường khác nhau, dưới tác động của những điều kiện lịch sử và nhu cầu xã hội tại từng địa phương.

Các ghi chép truyền thống thường nhấn mạnh vai trò của một vị cao tăng hoặc một cư sĩ kiệt xuất trong việc mang giáo pháp từ vùng đất này đến vùng đất khác. Tuy nhiên, thực tế lịch sử phức tạp hơn nhiều. Quá trình đưa Phật giáo đến với những vùng đất và nền văn hóa mới là kết quả của sự tương tác giữa

nhiều nhân tố khác nhau.



Bản đồ này khái quát các tuyến đường và những trung tâm quan trọng trong quá trình Phật giáo lan truyền khắp châu Á.

Trên thực tế, sự di chuyển của con người và tư tưởng Phật giáo diễn ra phức tạp, liên tục và năng động hơn nhiều so với những gì một tấm bản đồ có thể thể hiện. Vì vậy, bản đồ chỉ phản ánh những khuynh hướng lịch sử tổng quát, chứ không bao quát toàn bộ các tuyến giao lưu đã từng tồn tại. Nguồn minh họa: Wouter F. Goedkoop - thevoyagersworkshop.com.

Trong số đó, các mạng lưới thương mại giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Những đoàn thương nhân di chuyển giữa các làng mạc, đô thị và đế chế không chỉ trao đổi hàng hóa mà còn mang theo kinh điển, những câu chuyện, hình tượng tôn giáo và các giá trị văn hóa. Chư Tăng thường đồng hành cùng các đoàn lữ hành, truyền bá phương pháp tu tập cũng như tri thức Phật học.

Các tự viện dọc theo tuyến thương mại trở thành nơi dừng chân của khách lữ hành, vừa cung cấp chỗ lưu trú, không gian cầu nguyện, vừa là địa điểm trao đổi hàng hóa và giao lưu văn hóa. Chính các mối liên kết thương mại ấy đã gắn kết cộng đồng Phật giáo với dòng chảy rộng lớn của giao lưu kinh tế và văn minh nhân loại.

Bên cạnh đó, sự bảo trợ của quyền lực chính trị cũng giữ vai trò mang tính quyết định. Các hoàng đế, quốc vương và tầng lớp quý tộc đã bảo hộ tự viện, tài trợ việc dịch thuật kinh điển và kiến tạo những công trình tôn giáo quy mô lớn nhằm thu hút người hành hương. Sự hậu thuẫn của giới cầm quyền không chỉ đem lại nguồn lực vật chất và sự bảo vệ cho cộng đồng Phật giáo, mà còn tạo

điều kiện để giáo pháp bén rễ và phát triển bền vững tại các vùng đất mới.

Là một truyền thống coi trọng học thuật, tư duy triết học và tinh thần truy vấn chân lý, Phật giáo thường được tiếp nhận trước hết trong giới trí thức và học giả. Nhiều nhà cầm quyền cũng nhìn nhận Phật giáo như một nguồn lực giúp củng cố tính chính danh của vương quyền, tăng cường sự gắn kết giữa các cộng đồng đa sắc tộc, đồng thời mở rộng quan hệ với các mạng lưới giao lưu quốc tế.

Trong bối cảnh đó, việc cử các sứ đoàn và phái bộ Phật giáo đã trở thành một đặc điểm nổi bật của hoạt động ngoại giao ở nhiều quốc gia thời tiền hiện đại.

Vai trò của cư sĩ trong tiến trình truyền bá Phật giáo

Nếu chư Tăng giữ vai trò truyền bá giáo pháp thì hàng cư sĩ cũng có vị trí không thể thay thế. Các Phật tử tại gia đã cúng dường nơi ở, thực phẩm và y phục cho tăng đoàn, đồng thời đưa giáo pháp vào đời sống thường nhật của cộng đồng. Qua nhiều thế hệ, các gia đình lưu truyền những câu chuyện về đức Phật, duy trì mối liên hệ với chùa chiền và tự viện địa phương, thậm chí gửi con em xuất gia tu học.

Trong những giai đoạn sự bảo trợ của triều đình suy giảm, chính cộng đồng cư sĩ đã gìn giữ nhiều truyền thống Phật giáo vốn có nguy cơ mai một. Bên cạnh đó, các cộng đồng di cư cũng mang theo niềm tin và thực hành Phật giáo đến những quê hương mới, góp phần mở rộng phạm vi ảnh hưởng của truyền thống này.

Bước sang thời hiện đại, sự gia tăng trình độ dân trí, hoạt động xuất bản kinh điển và các bản dịch, vai trò ngày càng nổi bật của các giảng sư cư sĩ, cùng sự phát triển của truyền thông số đã mở ra những phương thức truyền bá hoàn toàn mới. Giao lưu quốc tế và sự phát triển của các phương tiện liên lạc khiến Phật giáo trở thành một truyền thống mang tính toàn cầu. Đồng thời, các thánh tích Phật giáo tại Ấn Độ không chỉ là điểm hành hương của Phật tử mà còn trở thành những điểm đến văn hóa - du lịch nổi tiếng, được lan tỏa mạnh mẽ thông qua hàng triệu bài viết và hình ảnh trên mạng xã hội.

Trong suốt lịch sử hơn hai thiên niên kỷ, Phật giáo đã chứng kiến sự xuất hiện rồi suy tàn của nhiều phong trào và tông phái khác nhau. Tuy nhiên, tiến trình truyền bá của Phật giáo chưa bao giờ là một quá trình tĩnh tại. Trái lại, đó luôn là một dòng chảy năng động, không ngừng thích nghi trước những biến đổi của thương mại, quyền lực chính trị và lòng hộ trì của quảng đại quần chúng.

Phật giáo thời kỳ đầu

Sau khi thành Đạo, đức Phật tập hợp những đệ tử đầu tiên quanh mình và cử họ đến các làng mạc, thị trấn lân cận để truyền bá giáo pháp. Ngài khuyến khích các đệ tử giảng dạy Chính pháp (Dharma/Dhamma) bằng chính ngôn ngữ địa phương nơi họ đến. Chủ trương này đã đặt nền móng cho tinh thần hoằng pháp rộng mở của Phật giáo ngay từ buổi đầu hình thành.



Bảo tháp Xá lợi Vaiśālī (Vaishali Relic Stupa) được xem là bảo tháp Phật giáo cổ nhất hiện được khảo cổ học ghi nhận.

Công trình do người Licchavi ở Vaiśālī xây dựng, một trong tám cộng đồng đã tiếp nhận xá lợi của đức Phật sau lễ trà-tỳ. Bảo tháp được xác định niên đại vào khoảng thế kỷ V trước Tây lịch. Nguồn: Wikimedia Commons.

Các vị xuất gia đi bộ từ nơi này sang nơi khác, sống bằng hạnh khát thực và nương tựa vào sự cúng dường của cư sĩ tại gia, đúng như cách đức Phật đã thực hành trong suốt cuộc đời hoằng hóa của mình.

Các kinh điển Phật giáo, tiêu biểu như Kinh Đại Bát Niết-bàn Pāli (Mahāparinibbāna Sutta), xác định bốn thánh địa có ý nghĩa đặc biệt đối với Phật tử:

- + **Lumbinī (Lâm-tỳ-ni)** - nơi đức Phật Đản sinh.
- + **Bodhgayā (Bồ Đề Đạo Tràng)** - nơi Ngài Thành đạo dưới cội Bồ đề.
- + **Sārnāth (Lộc Uyển)** - nơi đức Phật chuyển Pháp luân lần đầu tiên.

+ Kusinagara (Câu-thi-na/Câu-thi-na-la) - nơi đức Phật nhập Niết-bàn.

Không lâu sau đó, nhiều tự viện, bảo tháp và đền thờ được xây dựng quanh các thánh địa này, thu hút đông đảo người hành hương từ nhiều nơi. Chính các trung tâm linh thiêng ấy đã góp phần đưa giáo pháp vượt ra ngoài phạm vi của những cộng đồng Phật giáo sơ khai.

Phật giáo phát triển mạnh tại các khu vực có hoạt động thương mại sầm uất và các đô thị đang mở rộng. Giới thương nhân cùng tầng lớp tinh hoa xã hội đã tích cực bảo trợ các tự viện, vốn vừa là nơi lưu trú của khách lữ hành, vừa là không gian gặp gỡ và giao lưu. Nhờ vậy, Phật giáo ngày càng gắn bó với đời sống đô thị. Nguồn tài lực từ các thành thị cũng góp phần xây dựng những quần thể tự viện quy mô lớn, tiêu biểu như Amarāvātī (A-ma-la-bạt-đề) ở miền Nam Ấn Độ, nơi dần trở thành trung tâm tín ngưỡng, học thuật và hành hương quan trọng.

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, cùng với sự phát triển của Tăng đoàn (Saṅgha), nhiều kỳ kết tập kinh điển được tổ chức nhằm hệ thống hóa và xác thực các lời dạy vốn được truyền khẩu. Từ đó, những bộ kinh điển đầu tiên lần lượt được hình thành.

Giới luật của Tăng đoàn cũng được chuẩn hóa, tạo nên nền tảng ổn định và thẩm quyền cho đời sống tu viện.

Theo thời gian, Tăng đoàn phân hóa thành nhiều bộ phái với những cách diễn giải giáo pháp khác nhau. Mỗi bộ phái tiếp tục truyền bá đến các khu vực riêng, hình thành các trung tâm và truyền thừa khác nhau, tạo nên diện mạo đa dạng của Phật giáo ngay từ giai đoạn đầu lịch sử.

Triều đại Maurya và bước ngoặt của Phật giáo

Đế quốc Maurya (khoảng 320-185 trước Tây lịch) là thế lực chính trị đầu tiên dành cho Phật giáo sự bảo trợ mạnh mẽ trên quy mô lớn. Xuất phát từ vùng Magadha (Ma Kiệt Đà), quê hương lịch sử của Phật giáo, Hoàng đế A Dục (Ashoka, khoảng 304-232 trước Tây lịch) đã quy y Phật giáo và đưa các giá trị của giáo pháp trở thành một phần trong chính sách trị quốc.

Những chiếu dụ khắc trên đá của vua A Dục, nhiều bản vẫn còn tồn tại đến ngày nay, đã truyền bá rộng rãi lý tưởng đạo đức dựa trên giáo pháp của đức Phật khắp đế quốc. Nhà vua cũng cho xây dựng nhiều bảo tháp và tự viện, giúp tăng đoàn có thêm nguồn lực và nâng cao vị thế trong xã hội.

Các phái đoàn truyền giáo được vua A Dục cử đi đã đưa Phật giáo thời kỳ đầu lan rộng khắp tiểu lục địa Ấn Độ và vượt ra ngoài biên giới.

Ở vùng Tây Bắc tiểu lục địa Ấn Độ, Gandhāra (Kiến-đà-la) phát triển thành một trung tâm Phật giáo phồn thịnh, nơi nghệ thuật, kinh điển và nhiều tư tưởng mới cùng phát triển mạnh mẽ. Cùng với các trung tâm ở miền Nam Ấn Độ, Gandhāra trở thành một trong những bàn đạp quan trọng đưa Phật giáo tiếp tục mở rộng khắp châu Á.

Sri Lanka và Đông Nam Á

Theo truyền thống, Phật giáo được truyền đến Sri Lanka (Tích Lan, nay là Sri Lanka) vào khoảng thế kỷ III trước Tây lịch. Tương truyền, Trưởng lão Mahinda - con trai của vua A Dục đã cảm hóa Quốc vương Devanampiya Tissa sau cuộc gặp gỡ tại một khu vườn hoàng gia.

Không lâu sau đó, Trưởng lão Ni Saṅghamittā (Sanghamittā) - con gái vua A Dục mang sang Sri Lanka một nhánh của cây Bồ đề từ Bodh Gayā, chính là hậu duệ của cây Bồ đề nơi đức Phật thành đạo. Nhánh cây này được trồng tại Anurādhapura, rồi nhanh chóng trở thành một trong những trung tâm hành hương quan trọng nhất của thế giới Phật giáo.



Thuparamaya được xem là quần thể chùa cổ nhất tại Sri Lanka, có niên đại từ thời

Phật giáo được truyền đến hòn đảo này vào khoảng thế kỷ III trước Tây lịch. Nguồn: Explore Sri Lanka / Flickr Creative Commons.

Những câu chuyện truyền thống này đánh dấu Sri Lanka là một trong những trung tâm Phật giáo sớm nhất ngoài Ấn Độ. Dưới sự bảo trợ của hoàng gia, nhiều tự viện được xây dựng. Đến thế kỷ I trước Tây lịch, các lời dạy vốn được

truyền khẩu đã được ghi chép thành văn và kết tập thành Tam tạng Pāli (Pāli Canon).

Việc văn bản hóa kinh điển đã tạo nền tảng ổn định cho Tăng đoàn, đồng thời đưa Sri Lanka trở thành trung tâm học thuật có ảnh hưởng sâu rộng đối với thế giới Phật giáo. Theo thời gian, Phật giáo Sri Lanka phát triển bản sắc riêng. Đến thế kỷ V, với trước tác của vị luận sư Buddhaghosa (Phật Âm), truyền thống ngày nay được gọi là Phật giáo Theravāda (Thượng tọa bộ) đã định hình rõ nét trên nền tảng này.

Từ Sri Lanka và Nam Á, Phật giáo tiếp tục lan rộng sang Đông Nam Á. Trong những thế kỷ đầu Tây lịch cho đến hết thiên niên kỷ thứ nhất, các vương triều tại những khu vực ngày nay là Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Lào, Malaysia và Indonesia lần lượt tiếp nhận Phật giáo, đồng thời sử dụng tôn giáo này như một phương tiện củng cố quốc gia và tăng cường kết nối với các mạng lưới thương mại khu vực.

Từ thế kỷ XI đến XIII, Phật giáo Theravāda trở thành truyền thống chủ đạo tại Myanmar, Thái Lan, Campuchia và Lào, nhờ mối liên hệ chặt chẽ với Sri Lanka. Trong khi đó, tại Malaysia, Indonesia và nhiều đảo khác thuộc quần đảo Mã Lai, Phật giáo dần suy giảm vào thế kỷ XV-XVI cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Hồi giáo.

Ở các quốc gia theo truyền thống Theravāda, những hình thức tín ngưỡng bản địa đã góp phần làm sâu sắc thêm đời sống Phật giáo. Tại Sri Lanka, Xá lợi Răng Phật trở thành một trong những thánh tích hành hương quan trọng nhất, đồng thời gắn bó mật thiết với quyền lực vương triều. Các vị quốc vương xem việc bảo hộ thánh tích này là cơ sở khẳng định tính chính danh của quyền cai trị.

Khắp Đông Nam Á, chùa chiền và bảo tháp trở thành trung tâm của đời sống cộng đồng, được duy trì nhờ sự hộ trì của các gia đình Phật tử và giới thương nhân giàu có.

Cho đến ngày nay, Sri Lanka và khu vực Đông Nam Á lục địa vẫn là những trung tâm Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng, tiếp tục định hình sự phát triển của truyền thống này và duy trì vị thế của Phật giáo như tôn giáo chủ đạo tại nhiều quốc gia trong khu vực.

Con đường Tơ lụa và Trung Á

Từ khoảng thế kỷ III trước Tây lịch, Phật giáo bắt đầu lan truyền vào Trung Á theo các tuyến lữ hành mà về sau được gọi là Con đường Tơ lụa (Silk Road). Các

đoàn thương nhân, chư Tăng và người hành hương vượt qua những sa mạc rộng lớn cùng các dãy núi hiểm trở, thiết lập tự viện và đền thờ tại các đô thị ốc đảo, tạo nên nền tảng cho sự phát triển của Phật giáo trong khu vực.



Quần thể hang Thiên Phật Bezeklik, được xây dựng từ thế kỷ V đến XIII, được đục vào các vách đá cao bên rìa sa mạc Taklamakan, dọc theo Con đường Tơ lụa. Cộng đồng Phật tử Duy Ngô Nhĩ của Vương quốc Qocho từng kiểm soát khu vực này trong nhiều thế kỷ và giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo giữa Đông Á, Trung Á và Nam Á.

Nguồn: HaziiDozen / Wikimedia Creative Commons.

Những quần thể hang động quy mô lớn như hang Mạc Cao (Mogao Caves) tại Đôn Hoàng, hang Kizil và hang Bezeklik trở thành những trung tâm Phật giáo quan trọng, đồng thời lưu giữ những chứng tích sống động nhất về quá trình truyền bá Phật giáo dọc theo Con đường Tơ lụa. Chính mạng lưới Trung Á này đã đưa giáo lý, nghệ thuật và nghi lễ Phật giáo từ Ấn Độ lan sang Ba Tư, Trung Quốc, Triều Tiên, thậm chí vươn tới Ai Cập và Đế quốc La Mã.

Một trong những trung tâm Phật giáo sớm nhất là Gandhāra (Kiến-đà-la), thuộc khu vực miền Bắc Pakistan và Afghanistan ngày nay. Phật giáo đã hiện diện tại đây từ thế kỷ III trước Tây lịch và đặc biệt hưng thịnh dưới thời Đế quốc Kushan

(khoảng năm 30-375 Tây lịch), khi Gandhāra trở thành một trung tâm văn hóa Phật giáo rực rỡ.

Trong một giai đoạn ngắn, Đế quốc Macedonia của Alexandros Đại đế (Alexander the Great, 336-323 trước Tây lịch) kiểm soát một phần Gandhāra, tạo điều kiện để Phật giáo tiếp xúc với nền văn minh Hy Lạp hóa (Hellenistic). Các tự viện tại Gandhāra đã lưu giữ một số bản kinh cổ nhất còn tồn tại, đào tạo nhiều thế hệ tăng sĩ và đặc biệt sáng tạo nên những tượng đức Phật mang hình người đầu tiên trong lịch sử nghệ thuật Phật giáo. Những thành tựu này theo chân thương nhân và người hành hương lan khắp Trung Á và nhiều khu vực khác, góp phần hình thành diện mạo mới của truyền thống Phật giáo.

Từ khoảng thế kỷ I đến III Tây lịch, phần lớn kinh điển được lưu truyền trên các tuyến đường này là kinh điển Đại thừa (Mahāyāna). Khi được truyền đến Trung Á và dịch sang các ngôn ngữ bản địa, chúng đã chuẩn bị nền tảng để Đại thừa trở thành truyền thống Phật giáo chủ đạo tại Trung Á và Đông Á. Những câu chuyện về các vị quốc vương quy y Phật giáo, các xá lợi linh thiêng cùng niềm tin vào năng lực hộ trì của kinh điển đã khuyến khích các triều đình và giới quý tộc tiếp tục bảo trợ Phật giáo, giúp truyền thống này bén rễ vững chắc tại nhiều vùng đất mới.

Đến khoảng thế kỷ IX-XI, các vương quốc Duy Ngô Nhĩ (Uyghur) tiếp tục mở ra làn sóng bảo trợ mới. Kiểm soát khu vực lòng chảo Tarim, phía bắc Tây Tạng, tầng lớp cầm quyền Duy Ngô Nhĩ tài trợ xây dựng tự viện, chùa hang và các trung tâm dịch thuật, giúp Phật giáo tiếp tục hưng thịnh tại Trung Á ngay cả khi tôn giáo này bắt đầu suy giảm trên chính quê hương Ấn Độ. Các học giả và dịch giả Duy Ngô Nhĩ giữ vai trò quan trọng trong việc truyền bá kinh điển, nghệ thuật và nghi lễ Phật giáo sang Đông Á và Đông Bắc Á.

Khi Phật giáo mở rộng sâu rộng vào Đông Á, truyền thống này thực chất đã trải qua nhiều thế kỷ thích nghi, chuyển hóa và phát triển tại cả Ấn Độ lẫn Trung Á.

Đông Á: Trung Quốc

Phật giáo được truyền vào Trung Quốc khoảng thế kỷ I-II Tây lịch thông qua cả đường bộ và đường biển. Những đoàn lữ hành từ Trung Á mang theo kinh điển, xá lợi và các hình thức thực hành Phật giáo vượt Con đường Tơ lụa đến Trung Hoa, trong khi các thương thuyền cập bến những cảng phía Nam như Quảng Châu (Guangzhou) cũng góp phần đưa Phật giáo vào vùng duyên hải.

Một trong những nhân vật tiên phong và có ảnh hưởng sâu rộng nhất là An Thế Cao (An Shigao, khoảng 148-180 Tây lịch). Ngài vốn là một hoàng tử của Đế

quốc Parthia (247 trước Tây lịch - 224 Tây lịch, còn gọi là An Tức), sau xuất gia và đến Lạc Dương (Luoyang) - kinh đô của triều đình và cũng là điểm cuối phía Đông của Con đường Tơ lụa vào khoảng giữa thế kỷ II. Tại đây, Ngài dịch nhiều kinh điển và các kinh điển Phật giáo thời kỳ đầu sang tiếng Hán, đặt nền móng cho sự hiện diện lâu dài của Phật giáo tại Trung Quốc.



Đại Nhật Tháp (Dayan Ta) tại Trường An, một trong những kinh đô cổ của nhiều triều đại Trung Hoa, được xây dựng vào thế kỷ VII để lưu giữ kinh điển và tượng Phật do ngài Huyền Trang mang về sau chuyến thỉnh kinh từ Ấn Độ. Ban đầu, tháp gồm năm tầng bằng gạch và đất nện; trải qua nhiều thế kỷ, công trình đã nhiều lần được trùng tu và mở rộng. Nguồn: Mark Fischer / Flickr Creative Commons.

Đến thế kỷ III-IV, các cộng đồng Phật giáo đã hình thành tại nhiều đô thị dọc Con đường Tơ lụa. Các vị tăng Trung Á tiếp tục truyền bá kinh điển và tư tưởng Đại thừa, trong khi sự bảo trợ của hoàng gia và tầng lớp quý tộc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dịch thuật cũng như xây dựng tự viện.

Trong số những dịch giả kiệt xuất nhất phải kể đến Cưu Ma La Thập (Kumārajīva, 344-413 Tây lịch), vị cao tăng và học giả gốc Trung Á đến định cư tại Trường An (Chang'an, nay là Tây An) vào đầu thế kỷ V. Với trình độ ngôn ngữ xuất chúng, Ngài cùng các cộng sự đã chuyển dịch nhiều bộ kinh Đại thừa quan trọng sang Hán văn, góp phần định hình hệ thống thuật ngữ, văn phong và nền tảng học thuật của Phật giáo Đông Á trong nhiều thế kỷ sau.

Không chỉ tiếp nhận giáo pháp từ bên ngoài, các cao tăng Trung Quốc cũng trực tiếp lên đường tìm cầu Phật pháp. Pháp Hiển (Faxian, khoảng 337-422), Huyền Trang (Xuanzang, 602-664) và Nghĩa Tịnh (Yijing, 635-713) lần lượt vượt đường bộ và đường biển sang Ấn Độ cùng Trung Á để cầu học. Khi trở về, các ngài mang theo kinh điển, xá lợi và những ghi chép hết sức chi tiết về sinh hoạt Phật giáo tại các quốc gia đã đi qua. Những chuyến hành trình ấy đã tạo nên dòng giao lưu hai chiều giữa Trung Quốc với toàn bộ thế giới Phật giáo đương thời.

Qua nhiều triều đại, Trung Quốc trở thành nơi hội tụ của nhiều truyền thống Phật giáo khác nhau. Các bộ phái Phật giáo Ấn Độ thời kỳ đầu, kinh điển Đại thừa và về sau là các pháp tu Mật giáo (Esoteric Buddhism) cùng Kim Cương thừa (Tantric Buddhism) đều lần lượt bén rễ tại đây.

Đến thế kỷ VI, Phật giáo đã được xác lập vững chắc trên phần lớn lãnh thổ Trung Hoa. Các triều đại liên tiếp bảo trợ việc xây dựng tự viện cũng như những quần thể hang động quy mô lớn như hang đá Vân Cương (Yungang Grottoes) và hang đá Long Môn (Longmen Grottoes). Những công trình này không chỉ là trung tâm tín ngưỡng và hành hương mà còn trở thành đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc Phật giáo thế giới.

Đại Tạng kinh Hán văn (Chinese Buddhist Canon), được biên soạn và bổ sung qua nhiều thế kỷ, đã bảo tồn một khối lượng đồ sộ kinh điển và trước tác Phật giáo, trong đó có không ít văn bản gốc đã thất truyền tại Ấn Độ. Từ khoảng thế kỷ VII đến X, cùng với sự phát triển của kỹ thuật in khắc gỗ, kinh điển Phật giáo được in ấn với số lượng lớn và phổ biến rộng rãi tới các tự viện cũng như giới trí thức. Đặc biệt, bản in Kinh Kim Cương (Diamond Sutra) có niên đại thế kỷ IX hiện được xem là cuốn sách in có ghi rõ niên đại cổ nhất còn tồn tại trên thế giới.

Trung Quốc đồng thời trở thành một trung tâm sáng tạo của Phật giáo, nơi hình thành nhiều truyền thống triết học, học thuật và Mật giáo mang bản sắc riêng. Trong quá trình phát triển, Phật giáo cũng không ngừng đối thoại và tương tác với Nho giáo và Đạo giáo, từ đó hình thành những phương thức tu tập và hệ thống tư tưởng đặc trưng của Phật giáo Trung Hoa.

Đáng chú ý nhất là sự ra đời của Thiền tông (Chan) tại Trung Quốc. Từ đây, Thiền tông tiếp tục truyền sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản và nhiều khu vực khác. Ngày nay, tại các nước phương Tây, những truyền thống thiền định này thường được biết đến dưới tên gọi chung Zen. Tuy nhiên, trên thực tế, mỗi truyền thống tại Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản đều sở hữu lịch sử phát triển, phương pháp thực hành và hệ thống giáo lý riêng biệt.

Đông Á: Việt Nam, Hàn Quốc và Nhật Bản

Theo các tuyến giao thương đường biển từ Ấn Độ và Đông Nam Á, những dòng truyền thừa Phật giáo đầu tiên đã đến Việt Nam vào khoảng thế kỷ II Tây lịch. Theo các tư liệu truyền thống, nhiều vị tăng đã theo đường biển cập bến Luy Lâu (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh, gần Hà Nội), xây dựng chùa tháp và hình thành một trong những trung tâm Phật giáo sớm nhất của Đông Á.

Về sau, quá trình giao lưu với các triều đại Trung Hoa đưa thêm nhiều kinh điển và pháp môn Đại thừa (Mahāyāna) vào Việt Nam. Trong tiến trình phát triển, Phật giáo Việt Nam không chỉ tiếp thu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Hoa mà còn hòa quyện với Nho giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng bản địa, tạo nên bản sắc riêng biệt. Đến thời kỳ thuộc địa và kéo dài sang thế kỷ XX, Phật giáo trở thành một nguồn sức mạnh tinh thần quan trọng, góp phần nuôi dưỡng bản sắc dân tộc và tinh thần kháng cự, qua đó bảo đảm sự tiếp nối của truyền thống này trước những biến động lịch sử.



Chùa Dâu, có lịch sử từ khoảng thế kỷ II Tây lịch, được xem là ngôi chùa cổ nhất của Việt Nam và cũng là một trong những ngôi chùa cổ nhất Đông Á. Nằm tại trung tâm Luy Lâu, đô thị cổ từng giữ vị trí quan trọng trên các tuyến giao thương đường bộ và đường biển, chùa Dâu là nơi dừng chân của nhiều đoàn tăng sĩ và người hành hương thuộc các truyền thống Phật giáo khác nhau. Nguồn: vietnamonline.com.

Từ góc nhìn lịch sử Phật giáo khu vực, Việt Nam không chỉ là nơi tiếp nhận giáo pháp mà còn là điểm kết nối quan trọng trong mạng lưới giao lưu giữa Nam Á, Đông Nam Á và Đông Á. Nhờ vị trí nằm trên các tuyến thương mại đường biển và đường bộ từ rất sớm, đặc biệt thông qua trung tâm Luy Lâu, Phật giáo đã hiện diện tại Giao Châu từ những thế kỷ đầu Tây lịch với sự tham gia của nhiều tầng sĩ và thương nhân đến từ Ấn Độ, Trung Á và các vùng duyên hải Đông Nam Á.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy Luy Lâu từng là một trong những trung tâm Phật giáo sớm nhất ở Đông Á, nơi diễn ra hoạt động dịch thuật, giảng dạy và giao lưu giữa các truyền thống Phật giáo khác nhau trước khi nhiều trung tâm Phật giáo ở miền Nam Trung Quốc phát triển mạnh. Từ đây, các dòng tư tưởng Phật giáo tiếp tục lan tỏa theo nhiều hướng, đồng thời tiếp nhận ảnh hưởng từ Trung Hoa để hình thành diện mạo riêng của Phật giáo Việt Nam.

Trong quá trình phát triển, Phật giáo Việt Nam thể hiện khả năng dung hợp nổi bật giữa tư tưởng Đại thừa, truyền thống Thiền học, yếu tố Tịnh độ cùng tín ngưỡng bản địa, đồng thời có sự tương tác lâu dài với Nho giáo và Đạo giáo. Sự tiếp biến này không làm mất đi bản sắc của Phật giáo mà trái lại tạo nên một truyền thống vừa gắn bó với đời sống dân tộc, vừa duy trì mối liên hệ với các trung tâm Phật giáo trong khu vực.

Từ góc nhìn lịch sử truyền bá Phật giáo, trường hợp Việt Nam cho thấy thực tế đáng chú ý: sự lan tỏa của Phật giáo không diễn ra theo một chiều từ trung tâm đến ngoại vi, mà hình thành thông qua mạng lưới giao lưu đa hướng, trong đó mỗi địa phương vừa tiếp nhận, vừa sáng tạo và tiếp tục truyền trao những giá trị của Phật pháp trong bối cảnh văn hóa của mình.

Tại Hàn Quốc, Phật giáo được truyền từ Trung Quốc vào khoảng thế kỷ IV Tây lịch. Năm 372, một vị tăng do nước Tiên Tần (Qin) phái đến đã chính thức truyền Phật giáo vào vương quốc Cao Câu Ly (Goguryeo, 37 trước Tây lịch - 668 Tây lịch). Không lâu sau, Phật giáo tiếp tục được tiếp nhận tại Bách Tế (Baekje, 18 trước Tây lịch - 660 Tây lịch) và Tân La (Silla, 57 trước Tây lịch - 935 Tây lịch).

Đến thời vương triều Cao Ly (Goryeo, 918-1392), Phật giáo bước vào thời kỳ cực thịnh. Triều đình bảo trợ việc xây dựng tự viện, tổ chức các nghi lễ quy mô lớn và thực hiện nhiều công trình đồ sộ, nổi bật nhất là Đại Tạng kinh Cao Ly (Tripitaka Koreana), được khắc trên hơn 80.000 bản mộc với độ chính xác và giá trị học thuật đặc biệt.

Khi triều đại Triều Tiên (Joseon, 1392-1910) lên nắm quyền, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống của quốc gia. Phật giáo mất dần sự bảo trợ của triều đình, nhiều đặc quyền bị bãi bỏ. Tuy nhiên, các tự viện nằm sâu trong núi cùng lòng hộ trì bền bỉ của hàng cư sĩ đã giúp truyền thống này tiếp tục được duy trì.

Nhật Bản tiếp nhận Phật giáo vào khoảng giữa thế kỷ VI Tây lịch. Theo truyền thống, khoảng năm 552, quốc vương Bách Tế đã gửi đến triều đình Yamato một pho tượng đức Phật cùng kinh điển như món quà ngoại giao. Không lâu sau, Phật giáo nhận được sự bảo trợ mạnh mẽ của hoàng gia, đặc biệt dưới thời Thái tử Shōtoku (574-622), người đã cho xây dựng một số ngôi chùa Phật giáo sớm nhất tại Nhật Bản.

Trong nhiều thế kỷ tiếp theo, Phật giáo trở thành một bộ phận không thể tách rời của văn hóa Nhật Bản, ảnh hưởng sâu sắc đến nghệ thuật, văn học, triết học và đời sống chính trị. Tuy vậy, truyền thống này cũng trải qua nhiều thử thách. Trong thời Minh Trị (Meiji, 1868-1912), khi Thần đạo (Shintō) được tôn lên thành hệ tư tưởng quốc gia, Phật giáo bị tước bỏ nhiều đất đai và đặc quyền. Đến giai đoạn Đế quốc Nhật Bản (1868-1947), nhiều pháp khí và hiện vật quý trong chùa chiền còn bị nấu chảy để phục vụ nhu cầu chiến tranh.

Dẫu vậy, Phật giáo vẫn vượt qua những biến động ấy. Các truyền thống như Thiền (Zen), Nhật Liên tông (Nichiren) và Tịnh độ tông (Pure Land) tiếp tục phát triển mạnh mẽ và dần lan rộng ra nhiều quốc gia trên thế giới.

Mặc dù mỗi quốc gia lựa chọn con đường phát triển riêng, Việt Nam, Hàn Quốc và Nhật Bản đều tiếp nhận Phật giáo thông qua sự kết hợp giữa truyền thuyết, sự bảo trợ của vương quyền và quá trình bản địa hóa. Ngay cả trong những giai đoạn bị hạn chế hoặc đàn áp, Phật giáo vẫn duy trì vị thế là một truyền thống tôn giáo quan trọng, đồng thời trở thành cầu nối cho sự giao lưu văn hóa trong toàn khu vực Đông Á.

Tây Tạng và vùng Himalaya

So với nhiều khu vực khác ở châu Á, Phật giáo đến với Tây Tạng muộn hơn. Mặc dù ảnh hưởng của Phật giáo từ Ấn Độ, Trung Quốc và Trung Á đã xuất hiện từ trước, phải đến thế kỷ VII Tây lịch, truyền thống này mới thực sự được xác lập một cách bền vững. Bước ngoặt diễn ra khi Quốc vương Songtsen Gampo (Tùng Tán Cán Bố, 605-650) kết hôn với hai công chúa đến từ Nepal và Trung Quốc. Theo truyền thống, các vị công chúa mang theo kinh điển, tượng Phật và nhiều pháp bảo như cửa hồi môn, tạo điều kiện để Phật giáo từng bước hiện diện trong triều đình, dù các tín ngưỡng bản địa mang màu sắc shaman vẫn còn giữ ảnh hưởng sâu rộng.



Samye Migyur Lhundrub Tsula Khang, thường được gọi là tu viện Samye, được xây dựng vào thế kỷ VIII và là tu viện Phật giáo đầu tiên của Tây Tạng. Theo truyền thống, khu đất xây dựng tu viện đã được Liên Hoa Sinh (Padmasambhava) - vị đại thành tựu giả Kim Cương thừa đến từ Ấn Độ - cử hành nghi thức gia trì trước khi khởi công. Nguồn: Luca Galuzzi / Wikimedia Creative Commons.

Đến thế kỷ VIII, Quốc vương Trisong Detsen (742-797) mời nhiều bậc cao tăng Ấn Độ sang Tây Tạng, nổi bật nhất là nhà triết học Śāntarakṣita (Tịch Hộ, 725-788) và bậc đạo sư Kim Cương thừa (Vajrayāna) Padmasambhava (Liên Hoa Sinh, khoảng thế kỷ VIII).

Trong truyền thống Tây Tạng, Liên Hoa Sinh được tôn kính như một nhân vật huyền thoại. Ngài được xem là người hàng phục các thần linh và thế lực bản địa, dung hợp vào thế giới quan Phật giáo, từ đó mở đường cho việc xây dựng tu viện Samye - tu viện Phật giáo đầu tiên tại Tây Tạng. Trong khi đó, ngài Tịch Hộ đào tạo thế hệ tăng sĩ đầu tiên của Tây Tạng, nhiều vị sau này tham gia dịch thuật các kinh điển nền tảng sang tiếng Tây Tạng.

Đến giữa thế kỷ IX, Đế quốc Tây Tạng suy sụp, kéo theo sự tan rã của nhiều tự viện lớn, mở đầu khoảng 150 năm phân quyền và chia cắt chính trị.

Phong trào phục hưng bắt đầu từ thế kỷ XI khi vị đại sư Ấn Độ Atīśa (A Đề Sa, 982-1054) được thỉnh sang Tây Tạng. Ảnh hưởng của Ngài đã tạo động lực cho

thời kỳ hưng thịnh mới, dẫn đến sự hình thành của nhiều truyền thống Phật giáo quan trọng.

Theo thời gian, bốn dòng truyền thừa lớn gồm Nyingma (Ninh Mã), Kagyu (Ca Nhĩ Cư), Sakya (Tát Ca) và Gelug (Cách Lỗ) lần lượt định hình, mỗi truyền thống đều kế thừa các công trình dịch thuật và giáo pháp Kim Cương thừa từ Ấn Độ. Những tu viện thuộc các dòng truyền thừa này dần trở thành các trung tâm lớn về học thuật, nghi lễ và quyền uy tôn giáo.

Từ Tây Tạng, Phật giáo tiếp tục lan sang Bhutan, Sikkim, Ladakh và Nepal, hòa quyện với các truyền thống địa phương để hình thành những sắc thái đặc trưng của Phật giáo vùng Himalaya. Tại thung lũng Kathmandu, truyền thống Phật giáo Newar đã bảo tồn nhiều thực hành Kim Cương thừa cổ xưa, góp phần định hình bản sắc tôn giáo của toàn khu vực.

Các hoàng gia và tầng lớp quý tộc bảo trợ việc xây dựng tự viện, thỉnh mời các bậc đạo sư và sử dụng Phật giáo như một phương tiện củng cố quyền lực chính trị. Đồng thời, cộng đồng cư sĩ cũng duy trì đời sống Phật giáo thông qua các hoạt động hành hương, cúng dường và lòng sùng kính đối với các Lạt-ma (Lama) cùng những vị hóa thân (Tulku) được tôn kính.

Đến khoảng thế kỷ XV, những hình thái của Phật giáo Tây Tạng như chúng ta biết ngày nay đã trở thành truyền thống chủ đạo trên cao nguyên Tây Tạng cũng như phần lớn khu vực Himalaya, đồng thời mở rộng ảnh hưởng sang Trung Á, Mông Cổ, Mãn Châu và miền Bắc Trung Quốc.

Tuy nhiên, thế kỷ XX đã mang đến những biến động sâu sắc. Sau cuộc biến động tại Tây Tạng năm 1959, hàng chục nghìn người Tây Tạng phải rời quê hương và sống lưu vong tại nhiều quốc gia. Chính cộng đồng lưu vong này đã mang theo các truyền thống Phật giáo Tây Tạng ra thế giới, tạo nên bước ngoặt quan trọng trong quá trình toàn cầu hóa của Phật giáo Tây Tạng.

Mông Cổ và các đế quốc thảo nguyên

Tại khu vực Đông Bắc Á, Phật giáo lan truyền qua Mãn Châu (nay là vùng Đông Bắc Trung Quốc) và Mông Cổ theo các tuyến thương mại kết nối Trung Quốc, Triều Tiên và Trung Á. Những khu vực này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau thông qua hoạt động thương mại và ngoại giao. Các triều đình sử dụng các thiết chế Phật giáo như công cụ hỗ trợ quản trị quốc gia, trong khi thương nhân và chư Tăng mang giáo pháp vượt qua những thảo nguyên rộng lớn. Các tuyến giao lưu giữa bán đảo Triều Tiên và Mãn Châu còn kết nối với mạng lưới hàng hải hướng tới Nhật Bản, hình thành không gian trao đổi văn hóa rộng lớn, góp

phần định hình cách thức Phật giáo bén rễ tại vùng Đông Bắc Á.



Phù điêu trên bia đá Phật giáo có niên đại thế kỷ IX của vương quốc Bột Hải (Balhae), quốc gia từng trải rộng trên phần lớn vùng Đông Bắc Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và khu vực đông nam nước Nga ngày nay.
Nguồn: Bảo tàng Mỹ thuật Ohara (Nhật Bản) / Flickr Creative Commons.

Vương quốc Balhae (Bột Hải, 698-926) từng cai quản một quốc gia rộng lớn trải dài trên khu vực Bắc Triều Tiên và miền Đông Mãn Châu ngày nay. Các phát hiện khảo cổ học cho thấy nơi đây từng tồn tại nhiều tự viện cùng các di vật Phật giáo phong phú, chứng tỏ Phật giáo đã phát triển vững chắc thông qua mối quan hệ với nhà Đường, vương quốc Tân La (Silla) và Nhật Bản.

Đến thế kỷ XII, người Nữ Chân (Jurchen), cư dân bản địa vùng trung tâm Mãn Châu thành lập triều Kim (Jin, 1115-1234), cai trị quê hương của mình cùng nhiều vùng rộng lớn ở miền bắc Trung Quốc. Triều Kim kế thừa các mạng lưới Phật giáo từ các khu vực lân cận, đồng thời bảo trợ việc xây dựng tự viện, đền thờ và các quần thể hang động Phật giáo. Chính quyền cũng đặt tầng đoàn dưới sự quản lý của nhà nước và sử dụng chính sách bảo trợ để định hướng đời sống nghi lễ.

Trong thế kỷ XIII-XIV, người Mông Cổ đưa Phật giáo trở thành lực lượng tôn giáo có ảnh hưởng rộng khắp khu vực Nội Á. Hốt Tất Liệt (Kublai Khan, 1215-1294) thành lập triều Nguyên, đặc biệt tôn sùng phái Sakya (Tát Ca) của Phật giáo Tây Tạng. Ông thiết lập cơ quan chuyên trách quản lý các tự viện trên toàn đế quốc - lãnh thổ khi ấy trải rộng trên phần lớn Trung Á và Đông Á. Đồng thời, Hốt Tất Liệt trọng dụng các vị Lạt-ma Tây Tạng làm cố vấn và tạo điều kiện thuận lợi cho sự lưu chuyển của các bậc đạo sư, kinh điển và nghệ thuật Phật giáo qua Mông Cổ, Mãn Châu và miền Bắc Trung Quốc.

Sự phát triển của Phật giáo tại những khu vực này luôn gắn bó chặt chẽ với bán đảo Triều Tiên. Từ thời Cao Câu Ly (Goguryeo, 37 trước Tây lịch - 668 Tây lịch) và Bột Hải (Balhae, 698-926) cho đến thời kỳ hưng thịnh của vương triều Cao Ly (Goryeo, 918-1392), các triều đình Triều Tiên thường xuyên trao đổi tăng sĩ, kinh điển và các sứ đoàn với Mãn Châu và Mông Cổ, tạo điều kiện để tư tưởng, nghệ thuật và hình tượng Phật giáo lưu chuyển rộng khắp các vùng thảo nguyên Đông Bắc Á.

Đến thế kỷ XVII, hậu duệ của người Nữ Chân là người Mãn Châu (Manchu) lật đổ triều Minh (1368-1644) và thành lập triều Thanh (1644-1912). Một lần nữa, Trung Quốc được cai trị bởi một triều đại không thuộc người Hán xuất thân từ vùng Đông Bắc. Để củng cố quyền lực đối với các bộ lạc Mông Cổ và những khu vực chịu ảnh hưởng của Phật giáo Tây Tạng, các hoàng đế nhà Thanh tích cực bảo trợ Phật giáo Tây Tạng, tài trợ việc xây dựng tự viện, phát triển nghệ thuật nghi lễ và tổ chức nhiều dự án dịch thuật kinh điển.

Mặc dù từng trải qua các đợt đàn áp khốc liệt dưới thời Stalin trong thập niên 1930 cũng như những cuộc thanh trừng trong Cách mạng Văn hóa tại Trung Quốc, Phật giáo vẫn tiếp tục giữ vai trò là truyền thống tôn giáo quan trọng tại Mông Cổ và các khu vực lân cận.

Châu Âu và châu Mỹ

So với lịch sử lâu dài của Phật giáo tại châu Á, sự hiện diện của Phật giáo ở châu Âu và châu Mỹ chỉ là một chương tương đối mới.

Cộng đồng Phật giáo đầu tiên tại châu Âu xuất hiện từ thế kỷ XVII, khi người Mông Cổ ở miền Tây Mông Cổ di cư đến lưu vực sông Volga và thực hành một truyền thống Phật giáo Tây Tạng tại khu vực ngày nay là Cộng hòa Kalmykia (Liên bang Nga).



Das Buddhistische Haus tại Berlin (Đức) là quần thể tu viện Theravāda lâu đời và quy mô lớn nhất châu Âu.

Công trình được bác sĩ người Đức Paul Dahlke sáng lập năm 1924 và nhanh chóng trở thành một trong những trung tâm Phật giáo quan trọng của châu Âu. Nguồn: Berliner Morgenpost.

Đến thế kỷ XIX, giới học giả châu Âu bắt đầu dành sự quan tâm ngày càng lớn đối với Phật giáo. Các nhà Đông phương học, thành viên của Hội Thông Thiên học (Theosophical Society) và nhiều trí thức phương Tây dịch thuật kinh điển, nghiên cứu các bản thảo cổ, đồng thời giới thiệu Phật giáo như một hệ thống tư tưởng thay thế cho những truyền thống tôn giáo quen thuộc ở phương Tây.

Những nền móng đầu tiên của các thiết chế Phật giáo được hình thành vào đầu thế kỷ XX. Năm 1915, chùa Gunzechoinei Datsan được xây dựng tại Saint Petersburg (Nga), trở thành một trong những ngôi chùa Phật giáo sớm nhất ở châu Âu. Mặc dù từng chịu nhiều đợt đàn áp của nhà nước và có thời gian phải ngừng hoạt động, ngôi chùa của cộng đồng Buryat này vẫn tiếp tục là một trung tâm tu học cho đến ngày nay.

Năm 1924, bác sĩ người Đức Paul Dahlke thành lập Das Buddhistische Haus tại Berlin-Frohnau, hiện được xem là tu viện Theravāda (Thượng tọa bộ) lâu đời nhất ở châu Âu.

Cũng trong năm 1924, Buddhist Lodge tại London bắt đầu giới thiệu tư tưởng Phật giáo đến giới trí thức Anh. Trong số các thành viên của tổ chức này có nhà triết học Alan Watts, người sau này có ảnh hưởng lớn đến cách công chúng Hoa Kỳ tiếp cận và hiểu về Phật giáo.

Đến năm 1929, những người Kalmyk chạy trốn cuộc đàn áp của chính quyền Bolshevik đã xây dựng một ngôi chùa tại Belgrade (Serbia). Dù ngôi chùa ấy không còn tồn tại, con đường nơi chùa từng tọa lạc đến nay vẫn mang tên Budvanska, thường được gọi là “Phố Phật” (Buddha Street).

Ở bên kia Đại Tây Dương, các cộng đồng nhập cư đã xây dựng những ngôi chùa đầu tiên từ thế kỷ XIX. Người Hoa và người Nhật mang theo các truyền thống Đại thừa và Thiền (Zen) đến Hawaii, California cùng nhiều khu vực khác ngay từ những năm 1850. Người Nhật cũng xây dựng nhiều ngôi chùa tại Brazil và Peru, trong đó có chùa Jionji, được thành lập năm 1908.

Tại Bắc Mỹ, năm 1952, cộng đồng người Kalmyk lưu vong xây dựng ngôi chùa Phật giáo Tây Tạng đầu tiên ở bang New Jersey. Đến năm 1965, Washington Buddhist Vihara trở thành tu viện Theravāda đầu tiên được thành lập tại Hoa Kỳ.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt từ thập niên 1960, sự quan tâm của phương Tây đối với Phật giáo gia tăng mạnh mẽ. Nhiều học giả và trí thức phương Tây chịu ảnh hưởng từ các nhà tư tưởng châu Á, tiêu biểu là D. T. Suzuki (1870-1966).

Cùng thời kỳ đó, nhiều vị thầy nổi tiếng như Thích Nhất Hạnh, Chögyam Trungpa và Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã xây dựng các mạng lưới hoàng pháp, trung tâm thiền tập và truyền thống giảng dạy trải rộng khắp châu Âu và châu Mỹ. Làng Mai (Plum Village) tại Pháp, do Thiền sư Thích Nhất Hạnh sáng lập, đến nay vẫn là một trong những trung tâm thực tập Phật giáo nổi tiếng nhất ở phương Tây.

Đến thập niên 1980, nhiều cộng đồng Theravāda quy mô lớn đã hình thành, tiêu biểu như Wat Buddhanusorn tại Fremont, California; gần đây hơn là Wat Nawamintararachutis tại Boston, Massachusetts.

Khi Phật giáo ngày càng trở nên quen thuộc với xã hội phương Tây, nhiều thuật ngữ như karma (nghiệp), nirvana (Niết-bàn) và bodhisattva (Bồ Tát) đã đi vào các từ điển tiếng Anh cũng như văn hóa đại chúng. Ngay cả các nghệ sĩ đương đại, như nữ ca sĩ nổi tiếng Taylor Swift, cũng nhắc đến khái niệm karma trong các sáng tác của mình.

Ngày nay, chùa Phật giáo đã trở thành hình ảnh quen thuộc tại nhiều thành phố và thị trấn ở phương Tây, đồng thời hiện diện cả tại những vùng nông thôn xa xôi.

Từ những cộng đồng nhập cư nhỏ bé ban đầu, Phật giáo đã từng bước trở thành một thành tố quan trọng trong đời sống tôn giáo của phương Tây. Hiện nay, với tư cách là một truyền thống toàn cầu, Phật giáo tiếp tục góp phần làm phong phú bức tranh văn hóa và tôn giáo tại châu Âu và châu Mỹ.

Những phong trào Phật giáo mới

Khi Phật giáo lan rộng trên phạm vi toàn cầu trong thế kỷ XIX và XX, nhiều phong trào Phật giáo mới đã xuất hiện bên ngoài khuôn khổ truyền thống của các tự viện và hệ thống truyền thừa. Những tổ chức này trở thành những tác nhân quan trọng trong việc phổ biến Phật pháp, trình bày giáo lý bằng những hình thức phù hợp với nhiều đối tượng độc giả và người học vượt ra ngoài phạm vi chùa chiền.



Deekshabhoomi tại Nagpur (Ấn Độ) là thánh địa hành hương của truyền thống Navayāna, phong trào Phật giáo mới gắn với tư tưởng của B. R. Ambedkar. Đây là nơi đánh dấu sự kiện Ambedkar cùng khoảng 400.000 người đi theo ông chính thức quy y Phật giáo. Nguồn: Mahendra Dayare / Wikimedia Creative Commons.

Các phong trào này đặc biệt nhấn mạnh tính dễ tiếp cận của giáo pháp, vai trò của hàng cư sĩ, giáo dục và các hoạt động phụng sự xã hội. Nhờ đó, Phật giáo hiện diện tại nhiều không gian mà trước đây các thiết chế truyền thống khó có điều kiện tiếp cận.

Vào giữa thế kỷ XX tại Nhật Bản, Soka Gakkai International (SGI) phát triển từ một phong trào cư sĩ thuộc truyền thống Nichiren (Nhật Liên tông) trở thành một tổ chức Phật giáo có quy mô toàn cầu. SGI phổ biến thực hành tụng niệm và tích cực thúc đẩy các hoạt động vì hòa bình.

Năm 1967, Cộng đồng Phật giáo Triratna (*Triratna Buddhist Community*, trước đây mang tên *Friends of the Western Buddhist Order*) được thành lập tại Anh. Phong trào này giới thiệu Phật giáo đến nhiều đối tượng mới thông qua việc kết hợp các phương pháp thực hành của nhiều truyền thống Phật giáo châu Á.

Từ thập niên 1970, các tổ chức chịu ảnh hưởng của Phật giáo Tây Tạng như Shambhala, Diamond Way và New Kadampa Tradition mở rộng hoạt động tại châu Âu và châu Mỹ, thu hút đông đảo người theo học thông qua uy tín của các vị đạo sư cùng những cách diễn giải mới về giáo lý.

Tại Ấn Độ sau khi giành độc lập, phong trào Ambedkarite phát triển mạnh mẽ sau sự kiện B. R. Ambedkar quy y Phật giáo vào năm 1956. Phong trào này góp phần phục hưng Phật giáo trong cộng đồng Dalit, nơi truyền thống Phật giáo từng gần như biến mất trong nhiều thế kỷ.

Các tổ chức Phật giáo Trung Hoa cũng giữ vai trò nổi bật trong quá trình hiện đại hóa và quốc tế hóa Phật giáo. Năm 1967, Hsing Yun (1927-2023) sáng lập Phật Quang Sơn (Fo Guang Shan) cùng tổ chức cư sĩ trực thuộc Hiệp hội Quốc tế Phật Quang (Buddha's Light International Association).

Đến năm 1976, Sheng-yen (1931-2009) bắt đầu hoằng pháp tại phương Tây và đến năm 1989 sáng lập Pháp Cổ Sơn (Dharma Drum Mountain) tại Đài Loan. Cả hai vị đều xây dựng những mạng lưới tăng đoàn và cư sĩ quy mô lớn, đồng thời đầu tư mạnh vào giáo dục, xuất bản và các hoạt động hoằng pháp quốc tế.

Các phong trào mới tiếp tục mở rộng phạm vi truyền bá Phật giáo bằng cách gắn kết với xu hướng thực hành chánh niệm (mindfulness) và thiền định (meditation) đang ngày càng phổ biến trên thế giới. Từ cuối thế kỷ XX, các phương pháp này được giới thiệu như những công cụ mang tính phổ quát, được ứng dụng trong trường học, nơi làm việc và các chương trình trị liệu tâm lý.

Đối với nhiều tổ chức Phật giáo, đây vừa là phương tiện giới thiệu truyền thống của mình, vừa giúp hàng triệu người trên thế giới tiếp cận các phương pháp

thực hành có nguồn gốc từ Phật giáo.

Bằng cách thích ứng với nhu cầu của xã hội hiện đại và những nhóm công chúng mới, các phong trào này đã đưa giáo pháp của đức Phật đến với khu dân cư, trường học và cả nền văn hóa đại chúng. Trên thực tế, sự xuất hiện liên tục của các phong trào mới luôn là một phần trong lịch sử phát triển của Phật giáo. Ngay từ khi đức Phật bắt đầu thuyết pháp, cộng đồng đệ tử của Ngài cũng từng là một phong trào tôn giáo mới trong bối cảnh xã hội đương thời.

Hành hương và sự lưu chuyển của thực hành Phật giáo

Ngay từ buổi đầu hình thành, Phật giáo đã là một truyền thống không ngừng vận động. Chính đức Phật đã du hành qua nhiều vùng đất để truyền dạy giáo pháp. Sau khi Ngài nhập Niết-bàn, những địa điểm gắn với Đản sinh, Thành đạo, Chuyển Pháp luân và Nhập Niết-bàn trở thành các trung tâm hành hương đầu tiên của thế giới Phật giáo.

Những cuộc hành trình của người hành hương, thương nhân và khách lữ hành đã góp phần quan trọng đưa giáo lý và thực hành Phật giáo lan tỏa đến nhiều khu vực khác nhau trên thế giới.



Lumbinī (Lâm Tỳ Ni) - nơi đức Phật đản sinh, là một trong những thánh địa hành hương quan trọng nhất của thế giới.

Đền Māyādevī hiện nay được xây dựng trên nền di tích của quần thể cổ, bên cạnh hồ nước nơi Hoàng hậu Māyā được truyền thống cho là đã thực hiện nghi lễ tắm gội trước khi hạ sinh Thái tử Tất-đạt-đa. Xung quanh khu vực tu viện tại Lumbinī, nhiều truyền thống Phật giáo trên khắp thế giới đã xây dựng chùa, tự viện và bảo tháp của riêng mình. Nguồn: Rajeshdulal / Wikimedia Commons.

Khi Phật giáo tiếp tục phát triển, nhiều thánh địa mới lần lượt xuất hiện, hình thành một mạng lưới hành hương rộng lớn. Những địa điểm tiêu biểu gồm chùa Shwedagon tại Myanmar, Borobudur ở Indonesia, núi Kōya (Kōyasan) tại Nhật Bản và núi Kailash ở Tây Tạng.

Các tuyến hành hương này thường trùng với những con đường thương mại và giao thông chính thức, kết nối các tự viện và đô thị, qua đó thúc đẩy sự giao lưu giữa các cộng đồng Phật giáo. Tầm ảnh hưởng của các tuyến đường ấy thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử, đôi khi còn làm biến đổi các truyền thống địa phương. Ngày nay, với sự phát triển của giao thông hiện đại, những thánh địa này cùng nhiều địa điểm Phật giáo khác thu hút đông đảo khách hành hương và du khách từ khắp nơi trên thế giới.

Hoạt động hành hương ngày nay đã trở thành cầu nối giữa truyền thống địa phương và cộng đồng Phật giáo toàn cầu. Tại Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgayā), nơi đức Phật thành đạo hiện có nhiều ngôi chùa đại diện cho các truyền thống Phật giáo khác nhau cùng hiện diện. Hằng năm, các cộng đồng Phật giáo từ nhiều quốc gia quy tụ về đây, đồng thời vẫn gìn giữ những tập tục riêng của mình tại quê hương.

Những cuộc gặp gỡ xuyên truyền thống tương tự cũng diễn ra tại nhiều thánh tích khác gắn liền với cuộc đời đức Phật ở Ấn Độ, góp phần tạo nên nền tảng chung cho cộng đồng Phật giáo toàn cầu.

Hành hương cũng giúp mở rộng sự hiểu biết về tính đa dạng của Phật giáo. Các nghi lễ trong tự viện và lễ hội truyền thống thu hút đông đảo khách tham dự, trong khi mỗi ngày có hàng nghìn hình ảnh về các thánh tích và sinh hoạt Phật giáo được chia sẻ trên mạng xã hội.

Các vị xuất gia thường xuyên tham gia các chuyến hoằng pháp quốc tế, giới thiệu đến công chúng những hình thức thực hành như tụng kinh, kiến tạo mandala cát (sand mandala) và các nghi lễ truyền thống. Nhờ đó, nhiều người ở những nơi rất xa châu Á vẫn có cơ hội trực tiếp trải nghiệm các giá trị văn hóa

và tâm linh của Phật giáo.

Sau mỗi chuyến hành hương, nhiều người mang về quê hương các bản nghi thức, hình tượng tôn giáo và những câu chuyện trải nghiệm của mình. Chính những yếu tố ấy tiếp tục định hình đời sống Phật giáo tại các cộng đồng địa phương. Ngày nay, văn hóa và nghi lễ Phật giáo đã có thể vượt qua biên giới quốc gia một cách dễ dàng hơn bao giờ hết.

Sự phát triển của các phương tiện giao thông hiện đại đã rút ngắn đáng kể những hành trình mà trước đây phải mất nhiều tháng, thậm chí nhiều năm mới có thể hoàn thành. Đồng thời, nhiều thánh địa Phật giáo mới cũng đang được kiến lập bên ngoài châu Á, mở ra những tuyến hành hương mới cho cộng đồng Phật tử trên toàn thế giới.

Một số địa điểm được xây dựng theo truyền thống Á Đông, trong khi nhiều nơi lại mang đậm bản sắc địa phương. Chẳng hạn, phần mộ của nhà văn Mỹ Jack Kerouac hiện được nhiều người ngưỡng mộ xem như một địa điểm mang ý nghĩa hành hương Phật giáo.

Bên cạnh đó, nhiều công trình chùa và bảo tháp quy mô lớn được xây dựng tại châu Âu và châu Mỹ đã trở thành trung tâm tổ chức các khóa tu, lễ hội và những cuộc gặp mặt thường niên quy tụ Phật tử thuộc nhiều truyền thống khác nhau.

Tiến trình hành hương vẫn không ngừng thích nghi với những bối cảnh văn hóa mới, tiếp tục đưa các truyền thống Phật giáo đến với những vùng đất và cộng đồng trên khắp thế giới.

Phật giáo toàn cầu: Hiện tại và tương lai

Bước sang thế kỷ XXI, Phật giáo đang đứng trước một bước ngoặt mới, được định hình bởi tiến trình toàn cầu hóa, sự phát triển của công nghệ và những biến đổi trong hệ giá trị văn hóa của nhân loại. Giáo lý và các phương pháp thực hành Phật giáo đã vượt ra ngoài phạm vi những vùng đất truyền thống, tiếp cận hàng triệu người trên khắp thế giới, đồng thời đặt ra nhiều câu hỏi mới về tương lai của truyền thống tôn giáo này.



Blue Buddha (Đức Phật Xanh). Nhiếp ảnh: Trajita Daimari / Pexels Creative Commons.

Tại nhiều thành phố phương Tây, các truyền thống Phật giáo hiện diện song song trong cùng một không gian. Trên cùng một con phố có thể bắt gặp một ngôi chùa Theravāda (Thượng tọa bộ), một trung tâm Phật giáo Tây Tạng và một nhóm thực hành Dharma theo định hướng thế tục. Bên cạnh đó, nhiều tư tưởng và phương pháp của Phật giáo cũng đã hiện diện trong những môi trường không mang tính tôn giáo, khi chính niệm (mindfulness) và thiền định (meditation) ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong doanh nghiệp, trường học và các chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần.

Ở châu Á, các cộng đồng Phật giáo đang thích ứng với tốc độ hiện đại hóa ngày càng nhanh, đồng thời đối mặt với thực trạng suy giảm ảnh hưởng của tăng đoàn tại một số quốc gia. Những thách thức về môi trường, kinh tế và biến động chính trị cũng tác động trực tiếp đến các thánh địa hành hương, hệ thống tự viện và đời sống của cộng đồng Phật giáo.

Tuy nhiên, thời đại hiện nay cũng mở ra nhiều cơ hội chưa từng có. Giao thông quốc tế giúp người học dễ dàng tiếp cận các bậc đạo sư, kinh điển và cộng đồng tu học ở nhiều quốc gia khác nhau. Trong khi đó, các buổi phát trực tiếp (livestream), podcast và YouTube tiếp tục mở rộng phạm vi lan tỏa của giáo pháp.

Các thư viện số và kho kinh điển điện tử đã giúp kinh văn cùng các bộ luận trở nên dễ tiếp cận hơn bao giờ hết. Ngay cả những người sống tại vùng sâu, vùng xa cũng có thể nghiên cứu Phật học, học tiếng Pāli hoặc Sanskrit, theo dõi các bậc giảng sư nổi tiếng mà không nhất thiết phải đến chùa hay tự viện. Đối với một số vị giảng sư, việc thường xuyên hoằng pháp khắp nơi và xây dựng cộng đồng trực tuyến ngày nay đã dần thay thế mục tiêu duy trì những đạo tràng hay trung tâm hoằng pháp cố định.

Sự thích ứng với môi trường số đồng thời mang lại cả cơ hội lẫn thách thức. Các cộng đồng trực tuyến trên Discord, Reddit và Facebook tạo ra không gian để thảo luận, học tập và hỗ trợ lẫn nhau. Những khóa thiền trực tuyến giúp tiết kiệm chi phí và vượt qua rào cản khoảng cách địa lý. Tuy nhiên, việc thiếu đi sự tương tác trực tiếp giữa thầy và trò cũng có thể làm suy giảm những hình thức hướng dẫn cá nhân và đời sống tu học cộng đồng vốn từ lâu được xem là nền tảng của con đường thực hành Phật giáo.

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) được dự báo sẽ tiếp tục thúc đẩy những chuyển biến này, mặc dù tác động lâu dài của công nghệ đối với cộng đồng Phật giáo vẫn còn là một câu hỏi để ngỏ.

Nhìn về tương lai, tiến trình truyền bá Phật giáo nhiều khả năng sẽ tiếp tục được quyết định bởi những yếu tố đang hiện diện ngay hôm nay: sự thuận lợi của giao thông và dịch thuật; hạ tầng công nghệ số; cùng sức sống của các thiết chế Phật giáo tại từng địa phương.

Khi giáo pháp tiếp tục hiện diện trong lớp học, cơ sở y tế, các mạng lưới trực tuyến cũng như theo bước chân của những người hành hương và lữ khách kết nối các cộng đồng trên toàn thế giới, chính những người thực hành sẽ quyết định đâu là những giá trị cần được gìn giữ và đâu là những phương diện có thể thích nghi với bối cảnh mới.

Trong tương lai gần, Phật giáo nhiều khả năng sẽ phát triển thông qua mạng lưới các trung tâm kết nối đa dạng từ chùa chiền, tu viện, trung tâm tu học, thư viện số đến các nền tảng trực tuyến, nơi giáo pháp tiếp tục được truyền bá, trao đổi và lan tỏa vượt qua mọi biên giới quốc gia.

[Thay lời kết

Lịch sử truyền bá Phật giáo không chỉ là câu chuyện về sự mở rộng của một tôn giáo, mà còn phản ánh lịch sử của những cuộc gặp gỡ giữa các nền văn minh, các cộng đồng và những người cùng đi tìm lời giải cho những vấn đề căn bản của đời sống. Từ lưu vực sông Hằng hơn hai mươi lăm thế kỷ trước, giáo pháp

của đức Phật đã theo bước chân của các vị tăng sĩ, thương nhân, dịch giả, người hành hương và hàng triệu cư sĩ để vượt qua núi cao, sa mạc, đại dương và biên giới quốc gia, hình thành nên một trong những truyền thống văn hóa - tâm linh có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong lịch sử nhân loại.

Điều đáng chú ý là, trên hành trình ấy, Phật giáo không lan tỏa bằng sự áp đặt hay đồng nhất hóa các nền văn hóa, mà luôn thể hiện năng lực đối thoại, tiếp biến và thích ứng với những điều kiện lịch sử khác nhau. Chính khả năng giữ vững những giá trị cốt lõi của Chính pháp trong khi vẫn mở ra không gian cho sự đa dạng về ngôn ngữ, nghệ thuật, tư tưởng và hình thức thực hành đã tạo nên sức sống lâu bền của Phật giáo qua nhiều thời đại.

Ngày nay, khi thế giới bước vào kỷ nguyên số với sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, truyền thông số và các mạng lưới kết nối toàn cầu, phương thức truyền bá Phật giáo tiếp tục có nhiều đổi thay. Tuy nhiên, công nghệ chỉ có thể mở rộng khả năng tiếp cận giáo pháp, còn việc chuyển hóa khổ đau, nuôi dưỡng trí tuệ và lòng từ bi vẫn luôn khởi đầu từ sự thực hành nơi mỗi người. Đó cũng là giá trị xuyên suốt mà các truyền thống Phật giáo, dù thuộc bất kỳ quốc gia hay tông phái nào, đều cùng hướng đến.

Nhìn từ tiến trình hơn hai thiên niên kỷ, có thể thấy lịch sử truyền bá Phật giáo không khép lại ở quá khứ mà vẫn đang tiếp tục được viết nên trong hiện tại. Mỗi thế hệ đều đứng trước trách nhiệm gìn giữ tinh thần giác ngộ, đồng thời sáng tạo những phương thức phù hợp để Chính pháp tiếp tục đồng hành cùng nhân loại trước những biến đổi không ngừng của thời đại. Bởi lẽ, điều làm nên sức sống của Phật giáo chưa bao giờ chỉ là sự hiện diện của chùa tháp, kinh điển hay thiết chế, mà trước hết là khả năng nuôi dưỡng đời sống tinh thức, hiểu biết và từ bi trong mỗi cá nhân và cộng đồng].

Nguồn dịch: Biên dịch từ bài *The Spread of Buddhism*, có đối chiếu và hiệu đính thuật ngữ theo các công trình nghiên cứu lịch sử Phật giáo của Richard Gombrich, Peter Harvey, Donald S. Lopez Jr., Gregory Schopen và một số tài liệu Phật học hiện đại.

Bài viết được biên dịch từ nguồn tiếng Anh, có hiệu đính thuật ngữ và bổ sung lời dẫn, lời kết, cùng tài liệu gợi ý đọc thêm phục vụ độc giả Việt Nam.

Biên dịch và hiệu đính: **Thường Nguyên**

Nguồn link: **<https://tricycle.org/buddhism-spread/>**

Tài liệu gợi ý đọc thêm:

- 1] Bechert, Heinz & Gombrich, Richard (eds.). The World of Buddhism. Thames and Hudson, 1984.
- 2] Gombrich, Richard. Theravada Buddhism: A Social History from Ancient Benares to Modern Colombo. Routledge, 2006.
- 3] Harvey, Peter. An Introduction to Buddhism: Teachings, History and Practices. Cambridge University Press, 2013.
- 4] Lopez Jr., Donald S. The Story of Buddhism: A Concise Guide to Its History and Teachings. HarperOne, 2001.
- 5] Strong, John S. The Experience of Buddhism: Sources and Interpretations. Cengage Learning, 2015.
- 6] Elverskog, Johan. Buddhism and Islam on the Silk Road. University of Pennsylvania Press, 2010.
- 7] Schopen, Gregory. Bones, Stones, and Buddhist Monks. University of Hawai'i Press, 1997.
- 8] Nguyễn Lang. Việt Nam Phật giáo sử luận. Nxb Văn học.
- 9] Lê Mạnh Thát. Lịch sử Phật giáo Việt Nam. Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- 10] Trần Văn Giàu. Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám. Nxb Chính trị Quốc gia.